

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

SỐ 18/2C TRẦN HƯNG ĐẠO, KHU PHỐ 5, PHƯỜNG LONG THUẬN, TỈNH ĐỒNG THÁP
Điện thoại: 0273 3510 070; Email: ctdtgocong@gmail.com



VĂN KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC
Văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

1. Công văn số 1606/UBND-KT ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”.
2. Công văn số 1981/UBND-KT ngày 25/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”.
3. Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung.
4. Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công (sửa đổi, bổ sung) ngày 27/6/2026.
5. Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các quy chế về nội bộ quản trị, về hoạt động Hội đồng quản trị, về hoạt động Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung.
6. Quyết định số 66/QĐ-CTĐT ngày 27/6/2026 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế về nội bộ quản trị công ty.
7. Quyết định số 67/QĐ-CTĐT ngày 27/6/2026 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
8. Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 27/6/2026 của Ban kiểm soát về ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
9. Nghị quyết số 03/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty.
10. Nghị quyết số 04/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2026.
11. Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025; phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025.
12. Quyết định số 68/QĐ-CTĐT ngày 27/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc trích Quỹ đầu tư phát triển Công ty.
13. Quyết định số 69/QĐ-CTĐT ngày 27/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc trích Quỹ phúc lợi Công ty.

14. Quyết định số 70/QĐ-CTĐT ngày 27/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc trích Quỹ khen thưởng Công ty.

15. Nghị quyết số 06/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt danh sách công ty đủ điều kiện kiểm toán tài chính.

16. Nghị quyết số 07/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

17. Nghị quyết số 08/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về xác nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

Số: 25/BC-CTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Thuận, ngày 10 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026

Họ và tên Người đại diện được ủy quyền:

- Thái Bình Gia Lâm, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Võ Thanh Liêm, Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công.

Với tư cách là người được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công, chúng tôi đã tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 vào ngày 27/6/2026, xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề sau:

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Chủ sở hữu giao theo khoản 1 Điều 6 Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ Tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 đã biểu quyết, thông qua:

a) Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về phê duyệt “Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công sửa đổi, bổ sung”;

b) Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về thông qua “Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung”;

c) Nghị quyết số 03/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về phê duyệt “Chiến lược phát triển Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công giai đoạn 2026-2030”;

d) Nghị quyết số 04/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về phê duyệt “Kế hoạch kinh doanh năm 2026”;

đ) Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về phê duyệt “Báo cáo Tài chính năm 2025, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025”;

e) Nghị quyết số 06/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về phê duyệt “Danh sách công ty kiểm toán độc lập dự kiến kiểm toán tài chính năm 2026”;

g) Nghị quyết số 07/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 về “Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029”;

h) Nghị quyết số 08/NQ-ĐHCD ngày 27/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 xác nhận “Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029”;

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026 đảm bảo theo định hướng của Ủy ban nhân dân tỉnh - Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại các văn bản:

- Công văn số 1606/UBND-KT ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công”;

- Công văn số 1981/UBND-KT ngày 25/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công”;

- Công văn số 3290/STC-DN&KTTT ngày 29/4/2026 của Sở Tài chính về “Chỉ tiêu tăng trưởng năm 2026 và chiến lược giai đoạn 05 năm đối với các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thuộc tỉnh quản lý”.

Căn cứ Điều 6 Quy chế hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, xin báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính và Sở Nội vụ tỉnh để theo dõi, giám sát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

Đính kèm Tài liệu công khai thông tin doanh nghiệp; triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công thường niên năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.



NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN NN

CHỦ TỊCH HĐQT
Thái Bình Gia Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1606 /UBND-KT

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 5 năm 2026

V/v cho ý kiến một số nội dung
biểu quyết tại Đại hội đồng cổ
đông thường niên năm 2026 đối
với Công ty Cổ phần công trình
đô thị Gò Công

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- Sở Tài chính;
- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công
ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công.

Xét nội dung đề nghị của Sở Tài chính (*Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh*) tại văn bản số 4078/STC-DN&KTTT ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty Cổ phần công trình đô thị Gò Công (*văn bản đính kèm*), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất về chủ trương đối với phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, kế hoạch kinh doanh năm 2026 và Chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2026-2030 của Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công như nội dung đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản nêu trên, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1.1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025:

- Quỹ Đầu tư phát triển: 2.775.172.515 đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 3.736.639.518 đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông: 14%/mệnh giá cổ phần.

1.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

- Tổng doanh thu: 38,54 tỷ đồng, tăng 10% so với thực hiện năm 2025.
- Lợi nhuận sau thuế: 8,176 tỷ đồng, tăng 10,4% so với thực hiện năm 2025.
- Nộp ngân sách nhà nước: 4,234 tỷ đồng, tăng 11,13% so với thực hiện năm 2025.
- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông: 12%/mệnh giá cổ phần.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 77,64%.

1.3. Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2026-2030:

a) Về hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích chủ lực; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, giữ vững uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường; tăng cường liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp và đối tác có liên quan nhằm phát huy lợi thế, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường và địa bàn hoạt động; phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước và sản lượng dịch vụ công ích, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh Đồng Tháp, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng “02 con số” theo định hướng của Tỉnh.

b) Về quản trị doanh nghiệp:

- Từng bước chuẩn hóa công tác quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc quản trị hiện đại, tiệm cận thông lệ và chuẩn mực quốc tế, gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp; bảo đảm nguyên tắc quyền hạn đi đôi với trách nhiệm; xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Thực hiện hiệu quả cơ chế tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng cơ chế thưởng gắn với phần lợi nhuận vượt kế hoạch và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời nâng cao chất lượng công tác xây dựng, giao và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bảo đảm chặt chẽ, sát với tình hình thực tế.

c) Về thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số:

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp; thực hiện thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thông qua thiết bị PosApp cầm tay đối với hộ gia đình, hộ kinh doanh; đồng thời tăng cường thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đối với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch doanh thu và chất lượng phục vụ khách hàng.

d) Về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Thực hiện lộ trình cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các thủ tục thoái

100% vốn nhà nước tại doanh nghiệp, phần đầu hoàn thành trong năm 2030, bảo đảm tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp còn 0%.

đ) Chỉ tiêu kế hoạch tài chính:

- Sản lượng chủ yếu (Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt): tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 là 60.950 tấn.

- Tổng doanh thu: tăng doanh thu bình quân là 10%/năm, đến năm 2030 là 56,43 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 đạt 14,42 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư dự kiến từ Quỹ đầu tư phát triển: 05 tỷ đồng để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Giao Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và các chỉ tiêu tài chính nêu tại mục 1, tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, quyết định theo đúng thẩm quyền và theo quy định.

3. Giao Sở Tài chính, Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, theo dõi, hướng dẫn đơn vị tổ chức triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng uỷ UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSĩ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1981 /UBND-KT

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 6 năm 2026

V/v cho ý kiến việc sửa đổi, bổ
sung Điều lệ tổ chức và hoạt
động của Công ty Cổ phần Công
trình đô thị Gò Công

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Người đại diện phần vốn Nhà nước tại
Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công.

Xét nội dung đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 5219/STC-DN&KTĐT ngày 22/6/2026 về việc cho ý kiến nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần đô thị Gò Công để người đại diện phần vốn nhà nước biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (văn bản đính kèm), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

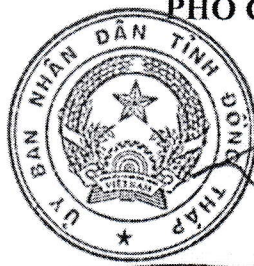
1. Thống nhất về chủ trương giao Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Công trình đô thị Gò Công căn cứ các quy định của pháp luật và tiếp thu ý kiến đầy đủ của Sở Tài chính tại văn bản nêu trên để tham gia ý kiến biểu quyết tại cuộc họp hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để xem xét, biểu quyết việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đảm bảo đúng quy định của pháp luật và theo thẩm quyền.

2. Giao Sở Tài chính theo dõi, hướng dẫn đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSI.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Số: 01/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công sửa đổi, bổ sung

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Công văn số 1981/UBND-KT ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 11/TTr-CTĐT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng quản trị về “Phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”, Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Nghị quyết này Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công sửa đổi, bổ sung lần thứ ba gồm 14 chương, 83 điều.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu thi hành từ ngày 27 tháng 6 năm 2026.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Thái Bình Gia Lâm

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công là doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ, Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 22 tháng 11 năm 2016, chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên công trình đô thị thị xã Gò Công 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần do nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ; tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các luật khác có liên quan đến công ty cổ phần.

Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công sửa đổi, bổ sung theo phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp* là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;
 - b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
 - c) *Công ty* là Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;
 - d) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này;
 - đ) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu, ngày 22 tháng 11 năm 2016;
 - g) *Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước* là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
 - h) *Người quản lý Công ty* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - i) *Ban điều hành Công ty* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
 - k) *Người đại diện phần vốn nhà nước* là người được Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty.
 - l) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết;

n) *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Giám đốc Công ty.

Điều 3. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; quyền và trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 4. Quyền của Công ty

1. Phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quản lý lao động, tiền lương, thù lao theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 5. Nghĩa vụ của Công ty

1. Quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn vốn điều lệ, vốn nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ; chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý vốn và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty và giám sát nội bộ Công ty.

2. Công ty có nghĩa vụ trong kinh doanh theo quy định tại Điều 8 Luật Doanh nghiệp, phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh của Công ty quy định tại Điều 10 Điều lệ này.

Điều 6. Tổ chức đảng và Công đoàn cơ sở trong Công ty

1. Tổ chức đảng trong Công ty là Chi bộ cơ sở hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Công đoàn cơ sở - tổ chức đại diện người lao động trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật về lao động và Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

3. Hội đồng quản trị:

a) Chịu sự lãnh đạo toàn diện của Chi bộ Công ty trong xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch hàng năm của Công ty; cơ cấu lại Công ty, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, phát triển nguồn nhân lực; thực hiện các nhiệm vụ đối với Nhà nước; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp có vốn nhà nước theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Cung cấp thông tin, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Ngăn cản người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, cổ đông của Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký, hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc Công ty đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.

3. Kê khai giả mạo, kê khai không trung thực, kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

4. Kê khai không vốn điều lệ thông qua hành vi không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký mà không thực hiện đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.

5. Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.

6. Lừa đảo, rửa tiền, tài trợ khủng bố.

Chương II

TÊN CÔNG TY, TRỤ SỞ CHÍNH; HÌNH THỨC, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG; NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY

Điều 8. Tên Công ty, trụ sở chính

1. Tên Công ty:

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG.

b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOCONG URBAN PROJECT JOINT STOCK COMPANY.

c) Tên Công ty viết tắt: GOCUPCO.

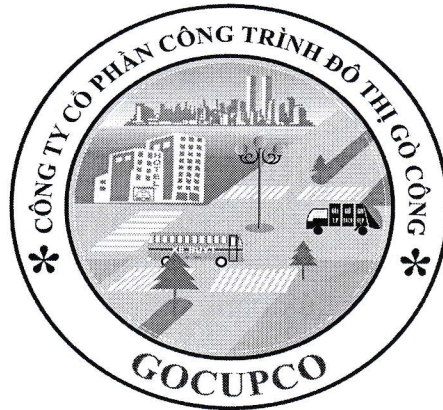
2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Số 18/2C Trần Hưng Đạo, khu phố 5, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp;

b) Điện thoại: 0273 3510 070; Fax: 0273 3843 483;

Email: ctdtgocong@gmail.com; Website: www.dothigocong.vn

3. Biểu tượng (logo):



Điều 9. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty là doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ.

2. Công ty có tư cách pháp nhân từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 31 tháng 12 năm 2016; con dấu riêng và mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam tại các ngân hàng trong tỉnh Đồng Tháp theo quy định của pháp luật.

3. Con dấu là phương tiện đặc biệt do Hội đồng quản trị đăng ký, quản lý, được sử dụng để đóng trên văn bản, giấy tờ của Công ty, các chức danh người quản lý, người điều hành Công ty.

a) Con dấu của Công ty là con dấu hình tròn, vòng ngoài con dấu phía trên được khắc mã số Công ty: M.S.D.N 1200421913 C.T.C.P, phía dưới khắc dòng chữ in hoa: P. LONG THUẬN T. ĐỒNG THÁP; vòng trong con dấu được khắc dòng chữ in hoa: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng dấu theo quy định của pháp luật hiện hành;

c) Trưởng ban Ban kiểm soát được sử dụng dấu của Công ty trong ban hành văn bản hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 10. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đăng ký kinh doanh chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (mã ngành 8129).

Chi tiết: - Vệ sinh đô thị - Công viên cây xanh - Chiếu sáng công cộng - Thoát nước vỉa hè.

- Thu gom rác thải không độc hại (3811).
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (3821).
- Thoát nước và xử lý nước thải (3700).
- Dịch vụ cảnh quan (8130).

b) Ngành nghề phụ, hỗ trợ:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4663).

Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.

- Chuẩn bị mặt bằng (4312).

Chi tiết: San lấp mặt bằng, nạo vét kênh mương bằng cơ giới.

- Lắp đặt hệ thống điện (4321).

Chi tiết: Thi công lưới điện hạ thế, điện chiếu sáng công cộng.

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (4620).

Chi tiết: Kinh doanh hoa kiểng, cây trồng.

- Xây dựng nhà để ở (4101).

Chi tiết: Xây dựng dân dụng.

- Xây dựng nhà không để ở (4102).
- Xây dựng công trình đường sắt (4211).
- Xây dựng công trình đường bộ (4212).

Chi tiết: Duy tu và xây dựng các công trình giao thông nhỏ (cầu, đường giao thông nông thôn, các đường nhỏ nội thị dưới 08 tấn).

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Phát triển kinh doanh đúng ngành, nghề kinh doanh đã được chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phát huy dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; nâng cao chất lượng quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của Nhà nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, cháy, nổ; bảo toàn vốn điều lệ và vốn do Nhà nước nắm giữ 51%; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, giữ vững thương hiệu Công ty trên thị trường.

Điều 11. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ này, đã được xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật.

3. Trừ khi giải thể Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 12. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 13. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty

1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền bằng văn bản thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phối hợp, tạo thuận lợi cho người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền, trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này; thực hiện các nội dung báo cáo xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 44 Điều lệ này.

**Chương III
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN****Điều 14. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 6.450.000.000 đồng Việt Nam (sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 645.000 (sáu trăm bốn mươi lăm ngàn) cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng.

2. Cơ cấu cổ phần:

a) Cổ phần do Nhà nước sở hữu: 328.950 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ;

b) Cổ phần do Công ty, Công đoàn cơ sở sở hữu: 9.700 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ;

c) Cổ phần còn lại do các cá nhân cổ đông sở hữu, chiếm 47,49% vốn điều lệ.

3. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 29, Điều 30 Điều lệ này.

4. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Cơ quan đại diện chủ sở hữu thống nhất bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty quy định tại điểm a Điều 65 Điều lệ này, chào bán cổ phần theo tỷ lệ cổ phần nhà nước nắm giữ 51% và các cổ đông khác 49% vốn điều lệ, các nguồn khác theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác, sau khi có chủ trương của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo khoản 4 Điều này, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông khi thực hiện quy định khoản 4 Điều này phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 15. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty, hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được Hội đồng quản trị cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Hội đồng quản trị cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông là văn bản giấy và tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông của Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong Sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Hội đồng quản trị để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông, do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 17. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu, hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 18. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 19. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông theo phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của họ trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải gồm họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn theo thông báo, thì cổ đông đó coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

3. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết, thì Hội đồng quản trị Công ty có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

4. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Điều lệ này, được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

5. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông, để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 20. Chào bán cổ phần riêng lẻ

1. Chào bán cổ phần riêng lẻ của Công ty phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Không chào bán thông qua phương tiện thông tin đại chúng;
- b) Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, hoặc chỉ chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

2. Công ty thực hiện chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định sau đây:

a) Công ty quyết định phương án chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Cổ đông của Công ty thực hiện quyền ưu tiên mua cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 124 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 19 Điều lệ này;

c) Trường hợp cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không mua hết, thì số cổ phần còn lại được bán cho người khác theo phương án chào bán cổ phần riêng lẻ với điều kiện không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

Điều 21. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán, hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty.
3. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu, hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng, hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc, hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế, hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần, hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho, hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 16 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.

7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 23. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 24. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định, hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 25. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp và Điều 23, Điều 24 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp và Điều 23, Điều 24 Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 26. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp và Điều 23, Điều 24 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 27. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp và Điều 26 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Điều 28. Huy động vốn từ tín dụng

1. Huy động vốn tín dụng là một trong những nguồn vốn quan trọng của Công ty. Thông qua hình thức này, Công ty có thể có được các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh, nhất là đầu tư mua sắm ô tô, thiết bị chuyên dùng theo Quy chuẩn về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích.

2. Huy động vốn tín dụng từ ngân hàng thương mại, hoặc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm về mục tiêu đầu tư, tổng vốn vay, hiệu quả về đầu tư, khả năng thanh toán vốn vay.

3. Hội đồng quản trị xây dựng Phương án vay, thực hiện đúng quy định pháp luật về đầu tư, mua sắm và quản lý, sử dụng tài sản, báo cáo kết quả tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chương IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 29. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp, Điều 23 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp, khoản 3 Điều này và Điều 35 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý Công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một, hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông, hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 30. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi, hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 31. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 29 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này cổ đông, hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp, khoản 2 Điều 34 Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

p) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng, hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

r) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, hoặc ủy quyền cho một, hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp, hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 34. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi, hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ

đồng hoặc đại diện theo ủy quyền của họ và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp, hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại các điều 35, 36 và 37 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận, hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 35. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên Trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm

thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 36. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 37. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu, hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa, hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một, hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một, hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả

các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông, hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp, hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp, hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp, hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn, hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 38. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư, hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và các khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 39. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ và tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ và tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát, hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 41. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án, hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Chương V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 42. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

2. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc bổ nhiệm Giám đốc Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm.

Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 (ba) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 (hai) thành viên còn lại có thể là người điều hành Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 44. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và khoản 1, khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, điểm d khoản 1 và điểm p khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người phụ trách quản trị công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

o) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 45. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Điều lệ này; do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Chứng thực chuyển nhượng, quyền sở hữu cổ phần của cổ đông theo quy định tại Điều 15 và Điều 22 Điều lệ này;

g) Thực hiện quyền, trách nhiệm người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử chức danh này.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

Điều 46. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc;
- c) Có đề nghị của 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, Zalo nhóm Hội đồng quản trị, phương tiện điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, hoặc người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin như sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có văn bản yêu cầu cụ thể về cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời điểm thực hiện quý, 6 tháng, cả năm, hoặc chỉ riêng tình hình tài chính, hoặc chỉ riêng tình hình kinh doanh, hay vấn đề khác. Văn bản yêu cầu phải gửi đến người điều hành là Giám đốc, hoặc Phó Giám đốc, hoặc Kế toán trưởng.

b) Sau khi tiếp nhận văn bản yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian 03 ngày làm việc, Giám đốc phải có văn bản cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp văn bản yêu cầu gửi Phó Giám đốc hoặc Kế toán trưởng thì những người này đều phải báo cáo Giám đốc, tham mưu cho Giám đốc trong thời gian 03 ngày làm việc có văn bản cung cấp thông tin, hoặc tài liệu theo yêu cầu, trừ thông tin, tài liệu về bí mật kinh doanh, hoặc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 47. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 48. Cơ cấu tổ chức điều hành kinh doanh

Cơ cấu tổ chức điều hành kinh doanh gồm Ban điều hành, các phòng nghiệp vụ và đội dịch vụ. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và sự lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh hàng ngày.

1. Ban điều hành Công ty gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

2. Các phòng, đội trực thuộc Công ty được tổ chức kiện toàn tinh gọn theo Chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban điều hành, trực tiếp là Giám đốc Công ty, cụ thể:

a) Các phòng nghiệp vụ gồm: Phòng Tài chính - Quản trị, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh. Trưởng phòng và nhân viên nghiệp vụ về kế toán, quản trị mạng, kế hoạch phải có trình độ chuyên môn đại học, phù hợp vị trí việc làm được phê duyệt;

b) Đội Dịch vụ công ích trên cơ sở hợp nhất Đội dịch vụ Vệ sinh môi trường và Đội dịch vụ Cây xanh - Chiếu sáng công cộng. Đội trưởng, các đội phó và công nhân kỹ thuật về điện, phụ trách công viên - cây xanh, lái ô tô chuyên dùng và tổ sửa chữa phải có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, hoặc kỹ năng nghề, bậc thợ phù hợp vị trí việc làm được phê duyệt.

3. Hội đồng quản trị quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng nghiệp vụ, đội dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này; Giám đốc Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, miễn nhiệm người quản lý các phòng nghiệp vụ, đội dịch vụ.

Điều 49. Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Giám đốc Công ty, hoặc xem xét người được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu để Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh;
- d) Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu bổ nhiệm theo khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

4. Giám đốc Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý phòng, đội trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức, hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- k) Cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, khoản 2 Điều 13 Điều lệ này.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc Công ty, khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc

Công ty mới thay thế, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 50. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

a) Phó Giám đốc được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, ký hợp đồng và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại, bị miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Công ty, sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu. Người được bổ nhiệm Phó Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Điều lệ này;

b) Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 người. Hội đồng quản trị quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty theo Chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch kinh doanh đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty; có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm, hoặc ký hợp đồng với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá 05 (năm) năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Điều 51. Người lao động trong Công ty

Hội đồng quản trị quy định hình thức tham gia quản lý, quyền của người lao động, quyền của tập thể người lao động, hội nghị người lao động, quan hệ giữa Công ty và người lao động trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 52. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 42 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên, hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- c) Chuyển công tác, hoặc có quyết định nghỉ hưu.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 54. Trưởng ban Ban kiểm soát

1. Trưởng ban Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát

thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 32 Điều lệ này.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý, người lao động Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 56. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ, nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 57. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về công khai lợi ích có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

Điều 58. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng, hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên, hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

Điều 60. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình, hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích, hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty, hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều 58 Điều lệ Công ty;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời, hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Chương IX

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 61. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí

1. Công ty thực hiện quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, bảo đảm kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hội đồng quản trị ban hành các quy chế về quản lý tài chính, về quản lý và sử dụng tài sản của Công ty bao gồm quản lý, sử dụng các quỹ, bảo đảm quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn và tài sản Công ty, phát triển kinh doanh theo mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

Điều 62. Huy động vốn của Công ty

1. Nguyên tắc huy động vốn theo quy định Điều 28 Điều lệ này như sau:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c) Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra, bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật; trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định, hoặc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động bằng, hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

b) Chỉ huy động vốn đầu tư cơ giới hóa, tăng năng suất lao động, giảm lao động thủ công, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích là dịch vụ chủ lực của Công ty; bảo đảm khả năng thanh toán nợ đối với tất cả các hợp đồng đã vay trước đó.

Điều 63. Bảo toàn vốn

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Việc bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Tuân thủ nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại Điều 5 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật;

đ) Các biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Định kỳ hàng năm Hội đồng quản trị phải đánh giá mức độ bảo toàn vốn của Công ty, phương pháp đánh giá như sau:

a) Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính năm của Công ty không phát sinh lỗ hoặc có lãi thì được xác định là doanh nghiệp bảo toàn vốn;

b) Trường hợp sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính năm của Công ty bị lỗ (bao gồm trường hợp còn lỗ lũy kế) thì được xác định là doanh nghiệp chưa bảo toàn được vốn.

Điều 64. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng

1. Nguyên tắc xác định:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật về lao động;

b) Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động;

c) Căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, phù hợp với thị trường, ngành, nghề, tính chất hoạt động của Công ty;

d) Căn cứ vào năng suất lao động, hiệu quả công việc của người lao động, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Công ty.

2. Tiền thưởng cho người lao động, người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát được trích từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

3. Người quản lý Công ty chuyên trách hưởng lương trong Quỹ lương chung của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách hưởng thù lao trong Quỹ thù lao của Công ty.

4. Căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị quy định chi tiết trong Quy chế quản trị nội bộ về tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người lao động, các chức danh quản lý của Công ty.

Điều 65. Phân phối lợi nhuận sau thuế

1. Lợi nhuận sau thuế sau khi chia lãi cho các thành viên góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (nếu có) và sau khi bù đắp lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thì được sử dụng để xử lý các chi phí quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này được phân phối theo nguyên tắc:

a) Trích không quá 50% vào Quỹ Đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bổ sung vốn điều lệ;

b) Trích không quá 03 tháng lương thực hiện để lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại Công ty;

c) Trích lập các quỹ theo quy định của các luật có liên quan;

d) Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước, trừ trường hợp sử dụng để bổ sung vốn điều lệ, đầu tư dự án theo quy định của Chính phủ.

3. Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty xây dựng phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm, bảo đảm nguyên tắc theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ; xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định theo Điều 32 Điều lệ này.

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Gò Công, Ngân hàng Vietcombank - Phòng Giao dịch Gò Công.

a) Chủ tài khoản: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

b) Người ủy quyền chủ tài khoản: Giám đốc Công ty.

2. Hội đồng quản trị tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính, chế độ kế toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

a) Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.

b) Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 68. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo, dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương X

GIÁM SÁT, KIỂM TRA;

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 69. Giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty phải chấp hành nghiêm túc kế hoạch, nội dung giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết luận giám sát, kiểm tra của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; biện pháp xử lý kịp thời vấn đề phát hiện trong quá trình giám sát, kiểm tra; kết quả xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với người quản lý Công ty theo Điều lệ Công ty, người đại diện phần vốn nhà nước có hành vi vi phạm về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 70. Giám sát nội bộ của Công ty

1. Công ty thực hiện giám sát nội bộ những nội dung sau đây:

a) Hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty;

b) Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;

c) Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại Công ty;

d) Những nội dung khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết trong Quy chế quản trị nội bộ về mục tiêu, nguyên tắc, nội dung giám sát nội bộ theo mục 4 Chương II Nghị định số 366/2025/NĐ-CP của Chính phủ; thực hiện kịp thời các biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản tại Công ty theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Điều 71. Trách nhiệm giải trình

Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty theo yêu cầu của các cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có thẩm quyền khác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 72. Căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

1. Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Việc thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng; việc thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao.

3. Hiệu quả hoạt động tổng thể của Công ty, có loại trừ tác động do thực hiện nhiệm vụ chính trị do cơ quan có thẩm quyền giao; nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận; việc thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới và tác động của yếu tố khách quan.

4. Kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 73. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty

Định kỳ hàng năm, Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thuê lập báo cáo đánh giá nội dung theo quy định tại Điều 72 Điều lệ này của năm trước, báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước ngày 15 tháng 8 hàng năm.

Chương XI**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN****Điều 74. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Đối với báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình, hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 75. Báo cáo theo quy định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Công ty lập Báo cáo tình hình quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước ngày 30 tháng 4 năm sau liền kề kèm theo báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Công ty báo cáo tình hình hoạt động của Công ty gồm các nội dung sau:

- a) Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- b) Kết quả thực hiện kế hoạch hàng quý bao gồm các dự án đầu tư, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Công ty;
- c) Các vấn đề phát sinh tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty;
- d) Kết quả giám sát nội bộ.

2. Hội đồng quản trị, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực các nội dung báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 76. Công khai thông tin

1. Tài khoản công bố thông tin của Công ty trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm:

a) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của Công ty: Họ và tên, số căn cước; số điện thoại; thư điện tử; chức vụ.

b) Thông tin cơ bản về Công ty: Tên Công ty; mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử; Cơ quan đại diện chủ sở hữu; tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty.

2. Hội đồng quản trị thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Chương XII

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 77. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ Công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung này phải được công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại Điều 76 Điều lệ này.

Điều 78. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác, hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu người đại diện theo pháp luật của Công ty chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XIII

GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 79. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục, mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện.

a) Quyết định giải thể Công ty phải được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

b) Trình tự, thủ tục giải thể Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 208 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 80. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng sau khi có nghị quyết giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động

của mình. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo Thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản 3 Điều này được chia cho các cổ đông.

Điều 81. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản và pháp luật có liên quan.

Chương XIV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 82. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty

1. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

2. Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và các quy chế khác của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định của Điều lệ này.

Điều 83. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này gồm 14 chương, 83 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công nhất trí thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ sửa đổi, bổ sung này từ ngày 27 tháng 6 năm 2026.

2. Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công sửa đổi, bổ sung lần thứ hai hết hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 6 năm 2026.

3. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

4. Điều lệ sửa đổi, bổ sung này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao, hoặc trích lục Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc tối thiểu 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, các cổ đông có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Điều lệ này./.

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Thái Bình Gia Lâm**

Số: 02/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua các quy chế về nội bộ quản trị,
hoạt động Hội đồng quản trị, hoạt động Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 05/TTr-CTĐT ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về “Thông qua Quy chế nội bộ quản trị, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị”; Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua:

1. Quy chế nội bộ quản trị công ty sửa đổi, bổ sung gồm 11 chương, 77 điều.
2. Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung gồm 7 chương, 28 điều.
3. Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung gồm 7 chương, 23 điều.

Điều 2. Giao Hội đồng quản trị ban hành, triển khai thực hiện Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ban hành, triển khai thực hiện Quy chế hoạt động Ban kiểm soát theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Thái Bình Gia Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

Số 66/QĐ-CTĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công (sửa đổi, bổ sung) ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công” gồm 11 chương 77 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định số 34/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông (bà): Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty; các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty; trưởng phòng nghiệp vụ, đội dịch vụ và các cổ đông thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Niêm yết Bảng Thông tin nội bộ Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Bình Gia Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Nội bộ về quản trị công ty

Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

*(Kèm theo Quyết định số 66/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty và những người liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp* là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025.
2. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025
3. *Công ty* là Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công.
4. *Ngày thành lập Công ty* là ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu thành lập Công ty 22 tháng 11 năm 2016.
5. *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp* là văn bản bằng giấy ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp) chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. *Quản trị công ty* là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
 - a) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - b) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
 - c) Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
 - d) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
 - đ) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
7. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
8. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
9. *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
10. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
11. *Ban điều hành* bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.
12. *Người phụ trách quản trị công ty* là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo Quy chế này.
13. *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; Trưởng ban Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

Chương II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này, thì cổ đông, hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người quản lý Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi, hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên Trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết.

Điều 9. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều này, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều này;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ

chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư, hoặc thư điện tử, hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 13. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản,

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề dưới đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty;

- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư, hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Phòng Tài chính - Quản trị trực thuộc Công ty sẽ cấp Thẻ biểu quyết, hoặc Phiếu biểu quyết cho từng cổ đông, hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội sẽ tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2. Nội dung, phương thức sử dụng Thẻ biểu quyết, hoặc Phiếu biểu quyết:

a) Thẻ biểu quyết có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu, hoặc đại diện. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề chung trong Đại hội, trừ các nội dung có liên quan đến đề cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

b) Phiếu biểu quyết có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu, hoặc đại diện. Phương thức này dùng để biểu quyết đối với các báo cáo, tờ trình trong Đại hội;

c) Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu, hoặc đại diện. Phương thức này dùng để bầu Hội đồng quản trị, hoặc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

d) Phiếu bầu cử Ban kiểm soát có ghi mã cổ đông, số cổ phần sở hữu, hoặc đại diện. Phương thức này dùng để bầu Ban kiểm soát, hoặc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, hoặc bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến. Cách thức biểu quyết sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

4. Cổ đông, hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được

bầu của Hội đồng quản trị, hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một, hoặc một số ứng cử viên.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu

Số phiếu, thẻ biểu quyết được kiểm đếm theo thứ tự: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng vấn đề. Việc công bố kết quả kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Quy chế làm việc của Đại hội.

Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư, hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều này.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

Điều 17. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp, hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của

Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ Công ty.

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật, hoặc Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án, hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 18. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mã số Công ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- h) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp, hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng

Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục Danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Công ty và Quy chế này, có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt, hay bất đồng ý kiến.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp, hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông qua.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; có giá trị tương đương với các nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông không có ý kiến, hay không tán thành.

3. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản phải tuân thủ quy định của pháp luật và quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 44 Điều lệ Công ty và có trách nhiệm, nghĩa vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định, quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

d) Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty;

đ) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

e) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

g) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty;

h) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

i) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;

k) Phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc hình thức khác theo quy định khoản 9 Điều 46 Điều lệ Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện, hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo khoản 13 Điều 46 Điều lệ Công ty.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

5. Báo cáo, công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

6. Quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 23. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị không quá số lượng 03 thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ, thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Điều lệ Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 (hai) thành viên còn lại có thể là người điều hành Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khoản 4 Điều 42 Điều lệ Công ty, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc bổ nhiệm Giám đốc Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 25. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

Người được đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 42 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 24 Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.

b) Trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị chỉ có 01 ứng cử viên, người trúng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 42 Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Chuyển công tác ngoài Công ty, hoặc có quyết định của cơ quan có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong 02 năm liên tục.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm một phần ba, để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị bị giảm một phần ba so với số quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ Công ty.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này có tỷ lệ sở hữu cổ phần tính đến ngày chốt danh sách cổ đông được quyền đề cử một, hoặc một số người theo quyết định

của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị: từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị, gồm:

a) Đơn ứng cử, hoặc đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, (mẫu số 1, mẫu số 2);

b) Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai có dán ảnh (mẫu số 3);

c) Bản sao hợp lệ căn cước;

d) Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ học vấn, trình độ chuyên môn;

e) Giấy ủy quyền, hoặc biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

4. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi đến Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công chậm nhất trước 01 ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp hồ sơ gửi là bản fax, scan thì phải gửi lại bản gốc khi đăng ký tham dự đại hội trước khi đại hội bắt đầu.

5. Chỉ những hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử, ứng cử và những ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện thành viên Hội đồng quản trị mới được đưa vào danh sách ứng cử viên công bố tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

a) Thành viên Hội đồng quản trị ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu ứng cử theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Điều lệ Công ty.

b) Cách thức giới thiệu ứng cử viên, bầu cử Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Người chủ trì cuộc họp triển khai văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu người có đủ tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, lãnh đạo quản lý tham gia ứng cử, đồng thời đề cử thành viên Hội đồng quản trị có đủ tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu vào danh sách bầu cử;

- Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đề cử, ứng cử;

- Hội đồng quản trị thảo luận, biểu quyết bằng hình thức giơ tay thống nhất danh sách những người ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị tiến hành bầu cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bỏ phiếu kín, đồng ý, hoặc không đồng ý;

- Người trúng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đạt 2/3 số phiếu biểu quyết của Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp trong phiếu bầu cử có 02 người ứng cử có số phiếu tán thành ngang nhau, thì tiến hành bầu cử lại.

c) Người chủ trì, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu bầu cử; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 45 Điều lệ Công ty trong các trường hợp như sau:

a) Các trường hợp miễn nhiệm: có đơn từ chức, hoặc chuyển công tác ngoài Công ty, hoặc được cơ quan có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;

b) Các trường hợp bãi nhiệm: không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong 02 năm liên tục, không bảo toàn vốn mà không giải trình được nguyên nhân khách quan, hoặc giải trình nguyên nhân không được Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

3. Ngoài việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 160 Luật Doanh nghiệp, điểm c khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Quy chế này.

Điều 31. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được Công ty trả lương, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện theo Thang lương, Bảng lương và Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty;

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm các chi phí hoạt động của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” của Công ty và Thỏa ước lao động tập thể.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Mức chi thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách thực hiện theo Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty.

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm chi phí hoạt động thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” và Thỏa ước lao động tập thể.

Điều 32. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc Công ty;

c) Có đề nghị của 02 thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, qua mạng Zalo nhóm thành viên Hội đồng quản trị và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có 2/3 thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 10 Điều này;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

9. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết, nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

11. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên Hội đồng quản trị dự họp, hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ và tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm của khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Phòng Tài chính - Quản trị trực thuộc Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có hiệu lực kể từ ngày được thông qua, hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác để tổ chức thực hiện, giám sát về hiệu quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 35. Bổ nhiệm, hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, hoặc hợp đồng lao động đối với người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm Thư ký công ty để tham mưu, giúp việc công tác quản trị công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có kiến thức về pháp luật, nắm vững quy định pháp luật về doanh nghiệp, công ty cổ phần, pháp luật có liên quan;

b) Có kinh nghiệm trong công tác quản trị công ty;

c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

3. Người phụ trách quản trị công ty phải cam kết và thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định khoản 3 Điều 47 Điều lệ Công ty, cụ thể:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- f) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- g) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người phụ trách quản trị công ty do không hoàn thành quyền và nghĩa vụ theo quy định khoản 3 Điều 47 Điều lệ Công ty và khoản 3 Điều này. Việc miễn nhiệm, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người phụ trách quản trị công ty không được trái với pháp luật về lao động, Điều lệ Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan độc lập trong Công ty, có chức năng kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, chính xác và trung thực trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán, báo cáo tài chính của Công ty; có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều 55 Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 57, Điều 58 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng đơn vị độc lập kiểm toán tài chính của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt, hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty, hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân, hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 38. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát các nhiệm kỳ phải bảo đảm không quá số lượng 03 thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty. Nhiệm kỳ của

thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong Ban kiểm soát làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách, hoặc không chuyên trách theo Chiến lược phát triển Công ty được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trưởng Ban kiểm soát phải thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 54 và trách nhiệm theo quy định các điều 57, 58, 59 Điều lệ Công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông, hoặc người lao động của Công ty.

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

6. Không được là thành viên, hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 40. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một, hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử

viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết, hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

a) Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử, hoặc Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát chỉ có 01 ứng cử viên, người trúng cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát phải đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Điều lệ Công ty và Điều 39 Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Chuyển công tác, hoặc có quyết định nghỉ hưu.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 44. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Mức chi thù lao đối với thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách thực hiện theo Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty.

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm chi phí hoạt động thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” và Thỏa ước lao động tập thể.

2. Thù lao thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được dự toán trong Quỹ Thù lao kế hoạch thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Quy chế này.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 45. Cơ cấu tổ chức điều hành kinh doanh

Cơ cấu tổ chức điều hành kinh doanh theo quy định Điều 48 Điều lệ Công ty gồm: Ban điều hành Công ty, bộ máy giúp việc.

Điều 46. Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty gồm Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng. Giám đốc Công ty là người đứng đầu tổ chức điều hành kinh doanh, phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và sự lãnh đạo, giám sát của Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 47. Vai trò, trách nhiệm của Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Cùng với Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định tại Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, khoản 2 Điều 13 Điều lệ Công ty; thực hiện trách nhiệm Người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 56, Điều 57 và Điều 59 Điều lệ Công ty.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Giám đốc Công ty

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Điều lệ Công ty, phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu, cụ thể:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.
5. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý phòng, đội trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
7. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty theo Thang lương, Bảng lương của Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
8. Tuyển dụng lao động.
9. Kiến nghị phương án trả cổ tức, hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty

1. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị, hoặc người không là thành viên Hội đồng quản trị giữ chức danh Giám đốc Công ty theo quy trình công tác cán bộ của cấp ủy có thẩm quyền, được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định bổ nhiệm.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc Công ty theo quy định tại điểm I khoản 2 Điều 44 Điều lệ Công ty. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc Công ty phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, thực hiện theo nguyên tắc đa số, tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành.

a) Các trường hợp miễn nhiệm: có đơn từ chức, hoặc chuyển công tác ngoài Công ty, hoặc được cơ quan có thẩm quyền giải quyết nghỉ hưu;

b) Các trường hợp bãi nhiệm: không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong 02 năm liên tục, không bảo toàn vốn mà không giải trình được nguyên nhân khách quan, hoặc giải trình nguyên nhân không được Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội.

4. Hội đồng quản trị phải công bố trên Trang thông tin điện tử của Công ty về các trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Công ty theo quy định điểm b khoản 2 Điều 176 Luật Doanh nghiệp.

Thông tin được công bố đối với trường hợp bổ nhiệm Giám đốc Công ty gồm: sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn, kinh nghiệm nghề nghiệp.

Điều 50. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Công ty điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

a) Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

Đối với số lượng Phó Giám đốc theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 50 Điều lệ Công ty không quá 02 người, Hội đồng quản trị chỉ bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc Công ty, chức danh Phó Giám đốc còn lại để dự phòng sắp xếp nhân sự từ nơi khác, nếu phương án nhân sự tại chỗ chưa đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của cấp ủy có thẩm quyền, Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Người được bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, điểm d khoản 3 Điều 49 Điều lệ Công ty và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu bổ nhiệm.

2. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

a) Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Kế toán; có chuyên môn, nghiệp vụ đại học kế toán; có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng; có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm;

b) Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, giúp Giám đốc Công ty giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Thời hạn bổ nhiệm, hoặc ký hợp đồng với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Điều 51. Tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Ban điều hành Công ty

1. Ban điều hành Công ty được Hội đồng quản trị trả lương, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Tiền lương Ban điều hành Công ty thực hiện theo Thang lương, Bảng lương và Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty. Trường hợp Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty là thành viên Hội đồng quản trị, ngoài tiền lương theo thang lương, bảng lương của Công ty còn được hưởng mức thù lao công việc thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách.

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm các chi phí hoạt động Ban điều hành Công ty thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” và Thỏa ước lao động tập thể.

2. Tiền lương Ban điều hành Công ty, thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được dự toán trong Quỹ tiền lương người lao động, Quỹ thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Quy chế này.

Điều 52. Bộ máy giúp việc quản trị, điều hành kinh doanh

1. Bộ máy giúp việc quản trị, điều hành kinh doanh thuộc Công ty gồm: Phòng Tài chính - Quản trị, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh và Đội Dịch vụ cộng ích trên cơ sở hợp nhất Đội dịch vụ Vệ sinh môi trường và Đội dịch vụ Cây xanh - Chiếu sáng công cộng.

2. Hội đồng quản trị quy định chức năng, nhiệm vụ phòng nghiệp vụ, đội dịch vụ và phân quyền Giám đốc Công ty bổ nhiệm người quản lý các phòng, đội với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp Chiến lược phát triển Công ty, kế hoạch kinh doanh. Người quản lý các phòng, đội phải quản lý, điều hành phòng, đội mình thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và mọi nhiệm vụ được giao.

Chương VI

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 53. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị người lao động.
2. Đối thoại tại nơi làm việc.
3. Tổ chức Công đoàn cơ sở Công ty.
4. Ban Thanh tra nhân dân.
5. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Quyền của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến và đề xuất với các cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật lao động và pháp luật các có liên quan.

Điều 55. Quyền của tập thể người lao động

Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động; thực hiện Nội quy lao động và các quy định, quy chế Điều lệ Công ty; thực hiện Thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động; việc thu và sử dụng các quỹ do người lao động đóng góp; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp lao động (nếu có); kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

Điều 56. Hội nghị người lao động

Hàng năm Hội đồng quản trị có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà Hội đồng quản trị đã thông qua; đánh giá việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động và các quy định, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Điều 57. Quan hệ giữa Công ty và người lao động

1. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo quy định pháp luật về lao động.
2. Giám đốc Công ty lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý, người lao động trong Công ty, cũng như mối quan hệ giữa người quản lý Công ty với Công đoàn cơ sở - tập thể đại diện người lao động.

Chương VII TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO

Điều 58. Nguyên tắc quản lý lao động, tiền lương, thù lao

1. Chính sách lao động, tiền lương, thù lao đối với Công ty do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật về lao động, quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Tiền lương người lao động, người quản lý Công ty và tiền thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách gắn với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. Việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao đối với Công ty thông qua Cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Về lao động

1. Công ty phải xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động.

2. Kế hoạch lao động được xây dựng dựa trên kế hoạch kinh doanh, định mức lao động tiên tiến, tổ chức bộ máy và cơ cấu lao động gián tiếp tinh gọn, hợp lý.

3. Kế hoạch lao động hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt trước khi thực hiện; việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng lao động thực hiện công khai, minh bạch, theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

4. Đối với trường hợp tuyển dụng lao động vượt quá nhu cầu sử dụng, dẫn đến dư thừa phải chấm dứt hợp đồng lao động, làm tăng chi phí của Công ty thì người tuyển dụng lao động phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị.

Điều 60. Tiền lương của người lao động, người quản lý Công ty

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, người quản lý Công ty được xác định dựa trên số lao động, số người quản lý Công ty kế hoạch và mức tiền lương bình quân kế hoạch theo khoản 2 Điều này.

2. Mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định căn cứ vào mức tiền lương trong hợp đồng lao động, mức tiền lương bình quân thực hiện theo kết quả kinh doanh của năm trước liền kề và gắn với chỉ tiêu kinh doanh kế hoạch của Công ty như sau:

a) Công ty có lợi nhuận thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân thực hiện theo kết quả kinh doanh của năm trước liền kề gắn với mức tăng/giảm năng suất lao động kế hoạch so với thực hiện năm trước liền kề, đảm bảo mức tăng tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng năng suất lao động bình quân;

b) Trường hợp Công ty không có lợi nhuận hoặc lỗ (trừ các trường hợp khách quan) thì mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định bằng mức tiền lương bình quân trong hợp đồng lao động và tiền lương của ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương, tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm, khi làm thêm giờ theo quy định của Bộ luật lao động.

3. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, người quản lý Công ty được xác định trên cơ sở quỹ tiền lương kế hoạch và mức độ thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, trong đó: Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý Công ty căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch, mức độ hoàn thành lợi nhuận kế hoạch, trong đó nếu lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch thì cứ vượt 01% lợi

nhuận, người quản lý Công ty được tính thêm 02% tiền lương, nhưng tối đa không quá 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch.

Điều 61. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách

1. Quỹ thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao khoán hàng tháng theo Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty.

2. Trường hợp trong năm tài chính, Hội đồng quản trị quyết định thực hiện mức lương tối thiểu vùng mới đối với người quản lý Công ty, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại Công ty theo nghị định của Chính phủ thì Hội đồng quản trị phải điều chỉnh lại Quỹ thù lao, mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách không quá 5% so mức thù lao đang hưởng.

Điều 62. Trình tự lập Quỹ tiền lương người lao động, người quản lý Công ty và Quỹ thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và trả lương, thù lao

1. Đầu năm tài chính, Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu về Quỹ tiền lương người lao động, người quản lý Công ty và Quỹ thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Quy chế này.

2. Sau khi Cơ quan đại diện chủ sở hữu có ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định Quỹ tiền lương người lao động, người quản lý Công ty và Quỹ thù lao thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách.

3. Căn cứ Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao kế hoạch và thang lương, bảng lương của Công ty, Hội đồng quản trị quyết định áp dụng mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Chính phủ, ủy quyền Giám đốc Công ty tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người lao động, người quản lý Công ty và tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách theo Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty; cuối năm tài chính quyết toán Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao thực hiện, báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chương VIII
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN SAU THUẾ;
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 63. Lợi nhuận

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm là kết quả kinh doanh của Công ty, bao gồm lợi nhuận hoạt động nghiệp vụ và lợi nhuận các hoạt động khác. Lợi nhuận

của Công ty là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu phải thu trừ đi tổng các khoản chi phí hợp lý hợp lệ.

2. Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các khoản lợi nhuận, hoặc cổ tức được chia nếu như các khoản lợi nhuận hoặc cổ tức được chia đó đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 64. Phân phối lợi nhuận sau thuế

1. Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty xin ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty để tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi xử lý các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 65 Điều lệ Công ty được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích Quỹ đầu tư phát triển để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng kinh doanh của Công ty, bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo nguyên tắc:

- Trường hợp nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo đã được ban hành lớn hơn hoặc bằng 50% lợi nhuận sau thuế thì Công ty trích 50% lợi nhuận sau thuế vào Quỹ đầu tư phát triển.

- Trường hợp nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển được xác định tại chiến lược phát triển hoặc kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo đã được ban hành thấp hơn 50% lợi nhuận sau thuế thì Công ty trích theo nhu cầu sử dụng nguồn Quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi cho công tác khen thưởng, hoạt động phúc lợi của người lao động, người quản lý Công ty theo nguyên tắc:

- Công ty xếp loại A được trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại B được trích không quá 02 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi; xếp loại C được trích không quá 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc xếp loại doanh nghiệp A, B, C làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Về tiền lương tháng thực hiện làm căn cứ trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi được xác định trên cơ sở tổng quỹ lương thực hiện của năm đánh giá của Công ty chia cho 12 tháng.

- Việc sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải theo đúng đối tượng, mục đích quy định tại Điều 65 Quy chế này.

- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điểm a khoản 2 Điều này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng,

phúc lợi theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

- Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định phân bổ tổng Quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty theo tỷ lệ 70% Quỹ khen thưởng, 30% Quỹ phúc lợi; trong tổng Quỹ khen thưởng được phân chia thành Quỹ khen thưởng người lao động và Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty.

Quỹ khen thưởng người quản lý Công ty tối đa không quá 02 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện, nếu lợi nhuận thực hiện không thấp hơn kế hoạch; không quá 02 tháng tiền lương, thù lao bình quân thực hiện nhân với tỷ lệ giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch, nếu lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch.

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

d) Công ty nộp phần lợi nhuận còn lại vào ngân sách nhà nước.

Điều 65. Mục đích, đối tượng sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi

1. Việc sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi quy định tại Điều 65 Điều lệ Công ty và điểm b khoản 2 Điều 64 Quy chế này phải đúng mục đích, đối tượng, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chống tham nhũng, lãng phí và tiêu cực.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm, thưởng thường kỳ, thưởng đột xuất, thưởng theo Quy chế thi đua, khen thưởng cho người lao động trong Công ty, bao gồm cả người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát.

b) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của người lao động trong Công ty, bao gồm cả người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát.

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Điều 66. Thẩm quyền quyết định sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi

1. Mức chi Quỹ khen thưởng do Giám đốc Công ty quyết định theo Quy chế Quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty.

Trường hợp thưởng người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát có thành tích xuất sắc đạt doanh thu, lợi nhuận cao hơn kế hoạch kinh doanh năm,

bảo toàn vốn Công ty hoặc chiến lược phát triển, đề án cơ cấu Công ty trung hạn 05 năm, mức thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

2. Mức chi sử dụng Quỹ phúc lợi do Giám đốc Công ty quyết định theo Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Trường hợp sử dụng quỹ và mức chi cho đối tượng quy định tại điểm c, điểm d khoản 3 Điều 65 Quy chế này phải được sự thống nhất của Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Đầu năm tài chính, Giám đốc Công ty tạm trích các quỹ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Quy chế này, trên cơ sở kết quả kinh doanh, lợi nhuận sau thuế năm trước, để có nguồn sử dụng các quỹ theo quy định.

Chương IX GIÁM SÁT NỘI BỘ

Điều 67. Mục tiêu, nguyên tắc giám sát nội bộ

1. Công ty phải thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại Công ty.

Hội đồng quản trị căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể của Công ty để xem xét, quyết định thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại Công ty theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mục tiêu giám sát nội bộ:

a) Kịp thời nắm bắt những tồn tại trong hoạt động quản lý vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

b) Nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sự minh bạch trong quản lý, điều hành.

c) Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

d) Đảm bảo việc quản lý, cơ cấu lại vốn đầu tư của Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Chiến lược phát triển Công ty đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguyên tắc giám sát nội bộ:

a) Tuân theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, quy trình, quy chế nội bộ của Công ty bảo đảm tính khách quan, kịp thời, công khai, minh bạch.

b) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế, quy trình phục vụ giám sát nội bộ và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quy chế tài chính, quy chế nội bộ, quy trình quản lý rủi ro, quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động, quy chế kiểm tra, kiểm soát nội bộ khác của Công ty.

c) Chủ động thực hiện giám sát nội bộ; tăng cường phối hợp có hiệu quả giữa đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ giám sát nội bộ và đơn vị, cá nhân liên quan trong công tác giám sát, kiểm tra.

d) Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện giám sát nội bộ Công ty, kịp thời xây dựng giải pháp, biện pháp ngăn chặn nguy cơ mất an toàn về quản lý vốn, tài sản Công ty theo kết quả giám sát nội bộ; thực hiện đầy đủ, kịp thời kiến nghị, cảnh báo của cơ quan giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

Điều 68. Nội dung giám sát nội bộ

1. Hiệu quả hoạt động kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty.
2. Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.
3. Việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia tại Công ty cổ phần.
4. Việc quản lý của Công ty.
5. Nội dung khác theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 69. Xử lý kết quả giám sát

1. Thực hiện đầy đủ cảnh báo, kiến nghị; khắc phục, xử lý kịp thời vấn đề phát hiện trong quá trình giám sát, kiểm tra.
2. Tổ chức thực hiện chỉ đạo của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cấp có thẩm quyền và các cảnh báo, kiến nghị, biện pháp tăng cường theo dõi, giám sát vốn nhà nước tại Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty.
3. Đề xuất và thực hiện giải pháp cần thiết nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại Công ty; báo cáo những nội dung vượt thẩm quyền theo quy định.

Chương X

MỐI QUAN HỆ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

Điều 70. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Chi uỷ

1. Hội đồng quản trị thực hiện mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ, thống nhất với Chi uỷ, tham mưu Chi bộ Công ty phát huy vai trò hạt nhân, định hướng, lãnh đạo nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ ở Công ty, thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

2. Thực hiện chủ trương Bí thư Chi bộ Công ty ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty là chi uỷ viên phát huy trách nhiệm cấp uỷ viên, quyền và nghĩa vụ thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong thực hiện nhiệm vụ được phân công theo Quy chế làm việc của Chi bộ Công ty và Quy chế này.

3. Thực hiện đúng nguyên tắc, điều kiện về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý gắn với quy hoạch Chi uỷ các nhiệm kỳ. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty là người đại diện phần vốn nhà nước là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng

quản lý sau. Trường hợp không đạt kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý thì Chi bộ Công ty căn cứ các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng xem xét, quyết định lại mức đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

Điều 71. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ và thực hiện tốt trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định Luật Công đoàn.

2. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở phối hợp với Hội đồng quản trị ban hành Quy chế phối hợp thực hiện khoản 1 Điều này cả nhiệm kỳ, kế hoạch cụ thể hàng năm; đánh giá kết quả thực hiện hàng năm trong Hội nghị người lao động, kiến nghị với Hội đồng quản trị giải quyết kịp thời các kiến nghị chính đáng, hợp pháp của tập thể và người lao động, không để quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể lao động, hoặc của người lao động bị xâm phạm.

Điều 72. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty

1. Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị các vấn đề quy định tại Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và khoản 3 Điều 44 Điều lệ Công ty.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty ngoài việc thực hiện quyền, trách nhiệm quy định của pháp luật, căn cứ báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty, có trách nhiệm tổng hợp gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Sở Tài chính tỉnh theo thời hạn gửi báo cáo tài chính năm.

Điều 73. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các vi phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Hội đồng quản trị.

5. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

6. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Trưởng Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

7. Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường, hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

8. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Hội đồng quản trị bảo đảm tất cả bản sao, các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị, cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 74. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; phân cấp cho Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của Công ty và chịu trách nhiệm về việc phân cấp. Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về công việc được phân cấp; được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật, đồng thời phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty, thì Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng phải có trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu Giám đốc trực tiếp báo cáo với Hội đồng quản trị.

Điều 75. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty

1. Trường hợp xét thấy cần thiết, Giám đốc có thể mời Trưởng Ban kiểm soát tham dự họp giao ban hàng tháng, hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

2. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc báo cáo trực tiếp, hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

3. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Giám đốc cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76. Nguyên tắc áp dụng Quy chế nội bộ quản trị công ty

1. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này, thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

2. Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và các quy chế khác của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Quy chế này.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 11 chương, 77 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 6 năm 2026. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty; các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty và các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện nghiêm túc Quy chế này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

Số 67/QĐ-CTĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công (sửa đổi, bổ sung) ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát,

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công” gồm 7 chương 28 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định số 35/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị về ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các ông (bà): Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty; các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty; trưởng phòng nghiệp vụ, đội dịch vụ và các cổ đông thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Niêm yết Bảng Thông tin nội bộ Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Bình Gia Lâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động Hội đồng quản trị

Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

*(Kèm theo Quyết định số 67/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Ban điều hành Công ty tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và tổ chức điều hành trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập, hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 46 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 22 Quy chế nội bộ quản trị công ty như sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị phải có văn bản yêu cầu cụ thể về thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty trong cung cấp thời điểm thực hiện quý, 6 tháng, cả năm, hoặc chỉ riêng tình hình tài chính, hoặc chỉ riêng tình hình kinh doanh, hay vấn đề khác. Văn bản yêu cầu phải gửi đến người điều hành là Giám đốc, hoặc Phó Giám đốc, hoặc Kế toán trưởng.

b) Sau khi tiếp nhận văn bản yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian 03 ngày làm việc, Giám đốc phải có văn bản cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp văn bản yêu cầu gửi Phó Giám đốc, hoặc Kế toán trưởng thì những người này đều phải báo cáo Giám đốc, tham mưu cho Giám đốc trong thời gian 03 ngày làm việc có văn bản cung cấp thông tin, hoặc tài liệu theo yêu cầu, trừ thông tin, tài liệu về bí mật kinh doanh, hoặc danh mục bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không quá 03 thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Điều lệ Công ty và khoản 2 Điều 23 Quy chế nội bộ quản trị công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Điều lệ Công ty, khoản 2 Điều 24 Quy chế nội bộ quản trị công ty, cụ thể:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc bổ nhiệm Giám đốc Công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý, được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Các trường hợp thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, Điều 45 Điều lệ Công ty khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, khuyết do nghỉ hưu trí, hoặc các trường hợp khác:

a) Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 4 Điều 45 Điều lệ Công ty:

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, sau khi có văn bản chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

b) Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 45 Điều lệ Công ty:

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình, thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Trường hợp không có người được ủy quyền, hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, sau khi có ý kiến của Cơ quan đại diện chủ sở hữu thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định khoản 1 Điều 27 Quy chế nội bộ quản trị công ty, cụ thể các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Thành viên Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, hoặc Phó Giám đốc Công ty có quyết định của cấp ủy, cơ quan đại diện chủ sở hữu giải quyết nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2 Điều 27 Quy chế nội bộ quản trị công ty, cụ thể các trường hợp sau:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không hoàn thành mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong 02 năm liên tục.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty, điểm b khoản 1 Điều 5 Quy chế nội bộ quản trị công ty, cụ thể các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2 Điều 42 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Quy chế nội bộ quản trị công ty như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị, phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một, hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông, hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty, khoản 2 Điều 29 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều 26 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một, hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại khoản 1 Điều 43

Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử, hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, thực hiện khoản 1 Điều 28 Quy chế nội bộ về quản trị công ty Hội đồng quản trị phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu; ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty, nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

2. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

3. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 44 Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp và khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp, điểm d khoản 1 và điểm p khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty;
- i) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản, quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng; ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người phụ trách quản trị công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;
- l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau đây:

- a) Định hướng phát triển của công ty, bao gồm: ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ;
- b) Ban hành, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, Trưởng ban Ban kiểm soát;
- d) Tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- đ) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty trường hợp có giá trị trên 50% vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc trên 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;
- e) Quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế để trích lập các quỹ theo quy định tại Điều 25 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Công ty nộp vào ngân sách nhà nước. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ tại Công ty để bổ sung vốn nhà nước tại Công ty thực hiện theo quy định của Chính phủ.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định khoản 2 Điều 46 Điều lệ Công ty, và các khoản 2, 3, 4 Điều 32 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan, hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty, hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm, hoặc hợp đồng lao động đối với Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm Thư ký công ty, công tác văn phòng cấp ủy để tham mưu, giúp việc công tác quản trị công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; phải cam kết và thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định khoản 3 Điều 47 Điều lệ Công ty, khoản 3 Điều 35 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương IV **CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu, hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc;
- c) Có đề nghị của 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử, Zalo nhóm Hội đồng quản trị, hoặc phương thức khác theo quy định khoản 6 Điều 46 Điều lệ Công ty và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp cũng chỉ được tiến hành nếu có 2/3 thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Công ty;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại Phòng Tài chính - Quản trị trực thuộc Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài, thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại Phòng Tài chính - Quản trị trực thuộc Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình, hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Báo cáo theo quy định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Định kỳ trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm và đột xuất theo yêu cầu của Cơ quan đại diện

chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp, Người đại diện phần vốn nhà nước phối hợp Hội đồng quản trị báo cáo tình hình kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị các giải pháp.

2. Ngoài các báo cáo nêu trên, Người đại diện phần vốn nhà nước phối hợp Hội đồng quản trị thực hiện lập và gửi các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được Công ty trả lương, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện theo Thang lương, Bảng lương và Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty;

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm các chi phí hoạt động của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” của Công ty, Thỏa ước lao động tập thể.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty hàng năm.

a) Mức chi thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách thực hiện theo Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty.

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm chi phí hoạt động thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” và Thỏa ước lao động tập thể.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân, hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo, hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Quan hệ phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Chi ủy

1. Hội đồng quản trị bảo đảm mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ, thống nhất với Chi ủy, tham mưu Chi bộ Công ty phát huy vai trò hạt nhân, định hướng, lãnh đạo nhiệm vụ chính trị và công tác cán bộ ở Công ty, thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị là cấp ủy viên phải phát huy tốt trách nhiệm cấp ủy viên, trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quy chế làm việc của Chi bộ Công ty và Quy chế này.

3. Thực hiện quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Công ty các giai đoạn 05 (năm) năm gắn với quy hoạch chi ủy các nhiệm kỳ. Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm người đại diện phần vốn nhà nước là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý sau. Trường hợp không đạt kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý, thì Chi bộ Công ty quyết định lại mức đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

Điều 22. Quan hệ phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ và thực hiện tốt trách nhiệm cung cấp thông tin, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện quyền, trách nhiệm trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định pháp luật.

2. Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở phối hợp với Hội đồng quản trị ban hành Quy chế phối hợp thực hiện khoản 1 Điều này trong cả nhiệm kỳ, kế hoạch cụ thể hàng năm; đánh giá kết quả thực hiện hàng năm trong Hội nghị người lao động, kịp thời kiến nghị và phối hợp Hội đồng quản trị giải quyết các kiến nghị chính đáng, hợp pháp của tập thể và người lao động, không để quyền,

lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể lao động, hoặc của người lao động bị xâm phạm.

Điều 23. Quan hệ phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty

1. Hội đồng quản trị phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và khoản 3 Điều 43 Điều lệ Công ty.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty ngoài việc thực hiện quyền, trách nhiệm quy định của pháp luật, căn cứ báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán, có trách nhiệm tổng hợp, gửi báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Sở Tài chính và Bộ Tài chính theo thời hạn gửi báo cáo tài chính năm.

Điều 24. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau, thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền, hoặc tổ chức họp, hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị, thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị lãnh đạo, giám sát hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; phân cấp cho Giám đốc thực hiện nhiệm vụ của Công ty và chịu trách nhiệm về việc phân cấp. Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về công việc được phân cấp; được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật, đồng thời phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty, thì Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì

Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng phải có trách nhiệm báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ với Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị yêu cầu Giám đốc trực tiếp báo cáo với Hội đồng quản trị, hoặc tham dự các cuộc họp của Công ty.

Điều 26. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và với Ban kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Nguyên tắc áp dụng Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị

1. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đề nghị Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, phối hợp Hội đồng quản trị thực hiện có hiệu quả, nâng cao năng lực quản trị Công ty.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 28 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 6 năm 2026; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng quản trị hết hiệu lực thi hành. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm chấp hành, thực hiện nghiêm túc Quy chế này./.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

Số 01/QĐ-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công (sửa đổi, bổ sung) ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 về thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát,

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công” gồm 7 chương 23 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Quyết định số 01/QĐ-CTĐT ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Ban kiểm soát về ban hành Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các thành viên Ban kiểm soát; cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Niêm yết Bảng Thông tin nội bộ Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Hoạt động Ban kiểm soát

Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

*(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 27 tháng 6 năm 2026
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ quản trị công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cơ quan, cá nhân có liên quan mỗi hợp hoạt động với Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình, cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty, hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân, hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Điều lệ Công ty, không quá 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ, mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu, thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ, vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định khoản 2 Điều 53 Điều lệ Công ty, Điều 39 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, thể như sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên, hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng ban Ban kiểm soát

1. Trưởng ban Ban kiểm soát phải tốt nghiệp và có bằng đại học thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng ban Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Điều lệ Công ty.

3. Trưởng ban Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách, hoặc không chuyên trách theo đề án cơ cấu lại Công ty từng giai đoạn được nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 54 và trách nhiệm theo quy định các điều 57, 58, 59 Điều lệ Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Ban kiểm soát như sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông, hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 40 Quy chế nội bộ về quản trị công ty như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông, hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên, hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty, khoản 2 Điều 40 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 41 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một, hoặc một số ứng cử viên.

a) Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát chỉ có 01 ứng cử viên, người trúng cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát phải đạt trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định khoản 3 Điều 53 Điều lệ Công ty, khoản 1 Điều 42 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quy định khoản 4 Điều 53 Điều lệ Công ty, khoản 2 Điều 42 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày

khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố theo quy định khoản 1 Điều 43 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 43 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, hoặc

theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoặc theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông, hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị, hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp, Điều 57 Điều lệ Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông,

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp, điểm b khoản 4 Điều 31 Điều lệ Công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần, hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, khoản 4 Điều 57 Điều lệ Công ty.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt, hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị, hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở Công ty; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông, hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 29 Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát, nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (2) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ, nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác

1. Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoạt động không chuyên trách được hưởng thù lao công việc, thưởng và lợi ích khác theo quy định pháp luật về lao động và kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty.

a) Mức thù lao công việc thực hiện theo khoản 3 Điều 64 Điều lệ Công ty, điểm a khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế chi lương, thù lao, thưởng của Công ty;

b) Việc công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bảo đảm chi phí hoạt động Ban kiểm soát thực hiện theo các quy chế “Thi đua, khen thưởng”, “Chi tiêu nội bộ” và Thỏa ước lao động tập thể.

2. Tổng mức thù lao và chi phí hoạt động không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ, hoặc sở hữu phần vốn góp, hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kê từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa

đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là cơ quan trực thuộc của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 73 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành Công ty

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty.

2. Mối quan hệ giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 75 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nguyên tắc áp dụng Quy chế hoạt động Ban kiểm soát

Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trường hợp có quy định pháp

luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 23 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 6 năm 2026; Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 27 tháng 4 năm 2024 của Ban kiểm soát hết hiệu lực thi hành. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát và các cơ quan, cá nhân có liên quan mỗi quan hệ phối hợp hoạt động với Ban kiểm soát có trách nhiệm chấp hành, thực hiện nghiêm túc Quy chế này./.

Số: 03/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt Chiến lược phát triển
Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Công văn số 1606/UBND-KT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 12/TTr-CTĐT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng quản trị về “Phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công giai đoạn 2026-2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Ngành nghề kinh doanh

Ôn định ngành, nghề kinh doanh của Công ty đã được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 15/10/2020, đồng thời đăng ký bổ sung ngành, nghề phù hợp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị.

2. Mục tiêu định hướng

a) Phát triển kinh doanh đúng ngành, nghề kinh doanh đã được chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phát huy dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; nâng cao chất lượng quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của Nhà nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, cháy, nổ; bảo toàn vốn điều lệ; không ngừng nâng cao đời

sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, giữ vững thương hiệu Công ty trên thị trường.

b) Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công là doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty cổ phần trong giai đoạn 2026-2028, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là Cơ quan đại diện chủ sở hữu nắm giữ 51% vốn điều lệ; giai đoạn 2029-2030 thực hiện thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chính phủ.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2026-2030

a) Sản lượng chủ yếu:

Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 thực hiện 60.950 tấn.

b) Tài chính:

- Tổng doanh thu tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 thực hiện 56,43 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 thực hiện 14,42 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư dự kiến từ Quỹ đầu tư phát triển 05 tỷ đồng để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, giữ vững thương hiệu trên thị trường

Kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm phải bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ là nhiệm vụ trọng tâm của Công ty với phương châm “Chuyên nghiệp, năng động, chuẩn mực, hiệu quả”; kết hợp giữa cơ giới hoá và tổ chức lực lượng công nhân lao động chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị và các dịch vụ khác ngoài xã hội; chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường và địa bàn kinh doanh, đồng thời liên kết với các doanh nghiệp khác để thực hiện các dịch vụ lợi thế của Công ty. Phân đấu tổng doanh thu hàng năm tăng trưởng 10% trở lên, trong đó dịch vụ công ích đô thị chiếm 90%, dịch vụ khác chiếm 10% tổng doanh thu với các giải pháp:

a) Về dịch vụ công ích đô thị: Phối hợp các chủ đầu tư các phường Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân hợp đồng kinh tế về đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công tổ chức cân rác thải công cộng hàng năm; bổ sung danh mục quét, thu gom rác thải công cộng và các tuyến ô tô chuyên dùng quét, thu gom rác đường phố; từ năm 2026 điều chỉnh đúng khối lượng, chi phí nhân công quét, thu gom rác thải các vỉa hè đường phố và chi phí xử lý rác thải sinh hoạt; thực hiện định mức dự toán duy trì cây xanh, chiếu sáng công cộng, thoát nước đô thị; tham gia kế hoạch “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, trồng dặm cây xanh bị chết hoặc kém phát triển và lấp đất biển tên, số thứ tự cây xanh đường phố; duy trì các trạm xử lý nước thải thuộc các dự án phát triển đô thị; duy tu giao thông và sửa chữa trụ sở các khu phố, trạm y tế các phường; vệ sinh công sở.

Tổ chức thu đúng giá dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cơ sở thờ tự, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hộ gia đình, nhất là hộ kinh doanh, hộ gia đình ở các xã sáp nhập phường; điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần đối với nhân viên thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; hợp đồng trường khu phố vận động hộ gia đình đăng ký thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, thu và nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng tháng với Công ty; Ban Điều hành Công ty thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường, các khu phố về chống thất thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

b) Về các dịch vụ khác: Tiếp tục cung ứng thùng chứa rác thải sinh hoạt các loại, hoặc trạm tập kết xe lấy rác đẩy tay bằng container tái chế; liên kết với các nhà thầu công trình dân dụng thực hiện danh mục trồng cây xanh, thảm cỏ trường học, nhà ở xã hội, công sở; duy trì cho thuê mặt bằng lắp đặt ăng ten viễn thông, thuê đất quốc phòng với diện tích 7.134m² ươm, giâm cây trồng, phục vụ phát triển cây xanh, công viên,....

2. Tăng cường quản trị doanh nghiệp

a) Từng bước chuẩn hoá công tác quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc hiện đại, tiệm cận thông lệ và chuẩn mực quốc tế, gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

b) Triển khai, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành. Tiếp tục thực hiện cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ, hoạt động Hội đồng quản trị, hoạt động Ban kiểm soát, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành Công ty; mối quan hệ phối hợp của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty với Hội đồng quản trị theo quy định Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

c) Tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2026-2030, hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát động; đẩy mạnh ứng dụng các sáng kiến đã được công nhận các năm trước và xây dựng, ứng dụng các sáng kiến mới gắn với kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ.

d) Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát tài sản, thu nhập, kết hợp giám sát nội bộ Công ty đúng quy định pháp luật; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty và Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở trong thực hiện Quy chế dân chủ, Thỏa ước lao động tập thể, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phát huy vai trò lãnh đạo và “nêu gương” của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát động thực hiện “Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí”, tạo chuyển biến mới về hành động của mỗi cá nhân, xây dựng và lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty.

đ) Thực hiện hiệu quả cơ chế tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng cơ chế thưởng gắn với phần lợi nhuận vượt kế hoạch và hiệu quả hoạt động của Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng công tác xây dựng, giao và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, bảo đảm chặt chẽ sát với tình hình thực tế.

e) Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, người quản lý Công ty, kịp thời đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu; đánh giá, xếp loại Công ty hàng năm theo Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quản lý tài chính, tài sản; cơ cấu vốn nhà nước tại Công ty

a) Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản của Công ty; công khai thông tin, minh bạch tài chính, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng tài sản Công ty.

Thực hiện lộ trình cơ cấu vốn nhà nước tại Công ty theo quy định của pháp luật và phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai các thủ tục thoái 100% vốn nhà nước tại Công ty, phần đầu hoàn thành trong năm 2030, bảo đảm tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty còn 0%.

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích diện tích đất 1.911,5m² được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất theo hình thức thuê đất hàng năm; đồng thời quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, thiết bị phục vụ quản trị, ô tô chuyên dùng và phục vụ công tác của người quản lý Công ty đúng quy định của pháp luật; kiểm kê định kỳ, xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với các hành vi vi phạm.

4. Cơ cấu nhân sự, tổ chức bộ máy quản lý

a) Thực hiện đúng cơ cấu, tiêu chuẩn người quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Chính phủ, Tỉnh ủy và Điều lệ Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là người đại diện phần vốn nhà nước; Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty đồng thời là Bí thư Chi bộ; các thành viên Hội đồng quản trị còn lại là Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch Công đoàn cơ sở.

b) Ổn định 2 phòng nghiệp vụ: Tài chính - Quản trị, Kế hoạch - Kinh doanh; hợp nhất 2 đội dịch vụ: Vệ sinh môi trường, Cây xanh - Chiếu sáng công cộng thành Đội Dịch vụ công ích. Hàng năm xây dựng kế hoạch sử dụng lao động gắn với kế hoạch kinh doanh, số lượng người lao động đến năm 2030 không quá 90 người, bảo đảm nguyên tắc và thẩm quyền giao kết hợp đồng lao động; nhân viên các phòng nghiệp vụ, tài xế và công nhân làm nhiệm vụ duy trì chiếu sáng công cộng phải đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn, phù hợp vị trí việc làm.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư phát triển

a) Hoàn thiện chuyển đổi số doanh nghiệp, duy trì Website, Trang thông tin điện tử của Công ty phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp, giao dịch thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt; tiếp tục thu giá dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt bằng PosApp cầm tay đối với hộ gia đình, hộ kinh

doanh cá thể và thanh toán không dùng tiền mặt đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, doanh nghiệp; công khai thông tin trên Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

b) Thực hiện đúng quy định pháp luật về mua sắm tài sản, hàng hóa, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; đầu tư mua mới 01 ô tô tưới cây, rửa đường và 03-04 ô tô chuyên dùng ép rác 15m³; thường xuyên sửa chữa ô tô chuyên dùng, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển Công ty:

1. Hội đồng quản trị xây dựng Kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm, Kế hoạch thoái vốn nhà nước sau khi có chủ trương của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; phối hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo, xin ý kiến Cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông; sơ kết Chiến lược phát triển Công ty vào Đại hội đồng cổ đông thường niên 2028, tổng kết Chiến lược phát triển Công ty vào Đại hội đồng cổ đông thường niên 2031.

2. Ban kiểm soát, các cổ đông thực hiện tốt trách nhiệm giám sát việc tổ chức, thực hiện Chiến lược phát triển Công ty của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Thái Bình Gia Lâm

Số: 04/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Công văn số 1606/UBND-KT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 13/TTr-CTĐT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng quản trị về “Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2026”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2026 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

Tiếp tục ổn định tổ chức và hoạt động Công ty, phát triển kinh doanh đúng ngành, nghề kinh doanh đã được chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phát huy dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; nâng cao chất lượng quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh đúng pháp luật của Nhà nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, cháy, nổ; bảo toàn vốn điều lệ, vốn do Nhà nước nắm giữ 51%; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, giữ vững thương hiệu Công ty trên thị trường.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Sản lượng chủ yếu

Thu gom, vận chuyển, xử lý RTSH 41.630 tấn, tăng 10% so năm 2025.

2. Tài chính

a) Tổng doanh thu 38,540 tỷ đồng, tăng 10% so năm 2025.

- b) Lợi nhuận trước thuế 9,850 tỷ đồng, tăng 10% so năm 2025.
- c) Lợi nhuận sau thuế 8,176 tỷ đồng, tăng 10,4% so năm 2025.
- d) Nộp ngân sách 4,234 tỷ đồng, tăng 11,13% so năm 2025.
- đ) Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông 12%/mệnh giá cổ phần.
- e) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 77,64%.

3. Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư 1.800 triệu đồng, trong đó vốn Công ty 900 triệu đồng và vốn vay ngân hàng thương mại 900 triệu đồng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về kinh doanh

Tiếp tục phát triển kinh doanh thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ là nhiệm vụ trọng tâm của Công ty với phương châm “Chuyên nghiệp, năng động, chuẩn mực, hiệu quả”; kết hợp giữa cơ giới hoá và tổ chức lực lượng công nhân lao động chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả dịch vụ chủ lực về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị và các dịch vụ khác ngoài xã hội; chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường và địa bàn kinh doanh, đồng thời liên kết với các doanh nghiệp khác để thực hiện các dịch vụ lợi thế của Công ty. Phân đầu tổng doanh thu tăng trưởng 10% trở lên, trong đó dịch vụ công ích đô thị chiếm 90%, dịch vụ khác chiếm 10% tổng doanh thu với các giải pháp:

a) Về dịch vụ công ích đô thị: Phối hợp các chủ đầu tư các phường Gò Công, Long Thuận, Sơn Qui, Bình Xuân hợp đồng kinh tế về đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công tổ chức cân rác thải công cộng; bổ sung danh mục quét, thu gom rác thải công cộng và các tuyến ô tô chuyên dùng quét, thu gom rác đường phố; từ năm 2026 điều chỉnh đúng khối lượng, chi phí nhân công quét, thu gom rác thải các vỉa hè đường phố và chi phí xử lý rác thải sinh hoạt; thực hiện định mức dự toán duy trì cây xanh, chiếu sáng công cộng, thoát nước đô thị; tham gia kế hoạch “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, trồng dặm cây xanh bị chết hoặc kém phát triển và lắp đặt biển tên, số thứ tự cây xanh đường phố; duy tu giao thông và sửa chữa trụ sở các khu phố; vệ sinh công sở.

Tổ chức thu đúng giá dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cơ sở thờ tự, doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hộ gia đình, nhất là hộ kinh doanh, hộ gia đình ở các xã sáp nhập phường; điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần đối với nhân viên thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; hợp đồng trường khu phố vận động hộ gia đình đăng ký thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, thu và nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng tháng với Công ty; Ban điều hành Công ty thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường, các khu phố về chống thất thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

b) Về các dịch vụ khác: Tiếp tục cung ứng thùng chứa rác thải sinh hoạt các loại, hoặc trạm tập kết xe lấy rác đẩy tay bằng container tái chế; liên kết với các nhà thầu công trình dân dụng thực hiện danh mục trồng cây xanh, thảm cỏ trường

học, công sở; duy trì cho thuê mặt bằng lắp đặt ăng ten viễn thông, thuê đất quốc phòng 7.134m² ươm, giâm cây trồng, phục vụ phát triển cây xanh, công viên,....

2. Về quản trị doanh nghiệp

a) Từng bước chuẩn hoá công tác quản trị doanh nghiệp theo các nguyên tắc hiện đại, tiệm cận thông lệ và chuẩn mực quốc tế, gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành Công ty.

b) Triển khai, thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và văn bản hướng dẫn thi hành. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ, hoạt động Hội đồng quản trị, hoạt động Ban kiểm soát, bảo đảm quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty; mối quan hệ phối hợp của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty với Hội đồng quản trị theo quy định Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

c) Tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát động; đẩy mạnh ứng dụng các sáng kiến đã được công nhận các năm trước và xây dựng, ứng dụng các sáng kiến mới gắn với kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ.

d) Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát tài sản, thu nhập, kết hợp giám sát nội bộ Công ty đúng quy định pháp luật; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và Ban chấp hành Công đoàn cơ sở trong thực hiện Quy chế dân chủ, Thỏa ước lao động tập thể, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; phát huy vai trò lãnh đạo và “nêu gương” của người đứng đầu trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; phát động “Ngày toàn dân tiết kiệm, chống lãng phí”, xây dựng và lan tỏa văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn Công ty.

đ) Thực hiện hiệu quả cơ chế tiền lương, tiền thưởng theo quy định của pháp luật, bảo đảm tính cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước trong thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao; thưởng gắn với phần lợi nhuận vượt kế hoạch và hiệu quả hoạt động của Công ty, đồng thời nâng cao chất lượng công tác xây dựng, giao và thực hiện kế hoạch kinh doanh, bảo đảm chặt chẽ sát với tình hình thực tế.

e) Thực hiện nghiêm trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, người quản lý Công ty; đánh giá, xếp loại Công ty theo Nghị định số 365/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Quản lý tài chính, tài sản của Công ty

a) Bảo toàn vốn điều lệ; tiếp tục thực hiện Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Quản lý, sử dụng tài sản của Công ty; công khai thông tin, minh bạch tài chính, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán.

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích diện tích đất 1.911,5m² được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất theo hình thức thuê đất hàng năm; đồng thời quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, thiết bị phục vụ quản trị, ô tô chuyên dùng đúng quy định của pháp luật; kiểm kê định kỳ, xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với các hành vi vi phạm.

4. Kiện toàn Ban điều hành Công ty và các phòng, đội trực thuộc

Thực hiện quy trình bổ nhiệm Giám đốc Công ty. Ổn định 2 phòng nghiệp vụ: Tài chính - Quản trị, Kế hoạch - Kinh doanh; hợp nhất 2 đội dịch vụ: Vệ sinh môi trường, Cây xanh - Chiếu sáng công cộng thành Đội Dịch vụ công ích. Xây dựng kế hoạch sử dụng lao động với số lượng không quá 84 người; nhân viên nghiệp vụ, tài xế và người lao động làm nhiệm vụ duy trì chiếu sáng công cộng phải đáp ứng tiêu chuẩn chuyên môn, phù hợp vị trí việc làm.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư phát triển

a) Duy trì Website Công ty phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp, giao dịch thương mại điện tử, nhất là hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Thực hiện đúng quy định pháp luật về mua sắm tài sản, hàng hóa, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; đầu tư mua mới 01 ô tô tưới cây, rửa đường; thường xuyên sửa chữa ô tô chuyên dùng, chỉ hợp đồng doanh nghiệp chuyên nghiệp sửa chữa lớn, hoặc các phần việc mà Công ty không thực hiện được.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

1. Ban điều hành Công ty tập trung phát triển kinh doanh đúng ngành nghề đăng ký doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả dịch vụ chủ lực, lợi thế của Công ty về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị, kết hợp mở rộng các dịch vụ khác ngoài xã hội, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy, nổ; báo cáo kết quả điều hành kinh doanh hàng tháng, quý, 6 tháng và cả năm cho Hội đồng quản trị theo Quy chế nội bộ quản trị công ty.

2. Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát Ban điều hành Công ty điều hành kinh doanh theo Kế hoạch này; duy trì họp Hội đồng quản trị thường kỳ, bất thường đánh giá kết quả quản trị, điều hành kinh doanh, kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn; kết thúc năm tài chính, thực hiện kiểm toán độc lập, báo cáo kết quả kinh doanh cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Thường trực Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

3. Ban kiểm soát, các cổ đông thực hiện tốt trách nhiệm giám sát việc tổ chức, thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Thái Bình Gia Lâm

Số: 05/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Phê duyệt phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2025,
phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 1606/UBND-KT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về “Cho ý kiến một số nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đối với Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 14/TTr-CTĐT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng quản trị về “Phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2025, Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt:

1. Báo cáo Tài chính năm 2025 gồm: Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán tài chính năm 2025, lập Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28 tháng 3 năm 2026.

2. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 7.404.872.033 đồng theo thứ tự như sau (ĐVT: Đồng Việt Nam):

a) Quỹ đầu tư phát triển là 2.775.172.515 đồng.

b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3.736.639.518 đồng, gồm:

- Quỹ khen thưởng 70% là 2.615.647.663 đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng Người lao động 2.387.733.452 đồng, Quỹ thưởng Người quản lý Công ty là 227.914.211 đồng;

- Quỹ phúc lợi 30% là 1.120.991.855 đồng.

c) Chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông 14%/mệnh giá cổ phần là 893.060.000 đồng, được chi trả bằng tiền mặt (tiền đồng Việt Nam), qua tài khoản của tổ chức, cá nhân cổ đông đăng ký với Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm:

1. Công bố công khai thông tin tài chính năm 2025.

2. Quyết định thành lập các quỹ theo điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Thông báo chi trả cổ tức năm 2025 theo điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này và quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định Điều lệ Công ty giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 4;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Thái Bình Gia Lâm

Số: 68/QĐ-CTĐT

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
trích Quỹ đầu tư phát triển
Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2025, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-CTĐT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích Quỹ đầu tư phát triển Công ty từ phân phối từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Điểm a Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 là 2.775.172.515 đồng (Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm mười lăm đồng) để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng kinh doanh, bổ sung vốn Điều lệ cho Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị quản lý, sử dụng đúng mục đích Quỹ đầu tư phát triển theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế quản lý tài chính Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Quản trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát ;
- Lưu Phòng TCQT công ty.



Số: 69/QĐ-CTĐT

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

trích Quỹ phúc lợi Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2025, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-CTĐT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích Quỹ phúc lợi Công ty từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 là 1.120.991.855 đồng (Một tỷ, một trăm hai mươi triệu, chín trăm chín mươi một ngàn, tám trăm năm mươi lăm đồng).

Điều 2. Giám đốc Công ty quản lý, sử dụng đúng mục đích Quỹ phúc lợi theo quy định quy định tại Khoản 3 Điều 65 Quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều 21 Quy chế quản lý tài chính của Công ty. Trường hợp sử dụng quỹ và mức chi cho đối tượng quy định tại điểm c, điểm d Khoản 3 Điều 65 Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải được sự thống nhất của Hội đồng quản trị bằng văn bản.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Quản trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Phòng TCQT công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Thái Bình Gia Lâm

Số: 70/QĐ-CTĐT

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

trích Quỹ khen thưởng Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ngày 27 tháng 6 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về phê duyệt Báo cáo Tài chính năm 2025, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-CTĐT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích Quỹ khen thưởng Công ty từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 là 2.615.647.663 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bảy ngàn, sáu trăm sáu mươi ba đồng), gồm:

1. Quỹ khen thưởng Người lao động 2.387.733.452 đồng (Hai tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm năm mươi hai đồng).

2. Quỹ thưởng Người quản lý Công ty là 227.914.211 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm mười bốn ngàn, hai trăm mười một đồng).

Điều 2. Giám đốc Công ty quản lý, sử dụng đúng mục đích Quỹ khen thưởng theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Điều 21 Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Trường hợp thưởng Người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát có đạt doanh thu, lợi nhuận cao hơn kế hoạch kinh doanh năm 2025, bảo toàn vốn Công

ty, hoàn thành xuất sắc Đề án "Cơ cấu lại Công ty giai đoạn 2021-2025", mức thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, Trưởng phòng Phòng Tài chính - Quản trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát;
- Lưu Phòng TCQT công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Thái Bình Gia Lâm



Số: 06/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán độc lập
dự kiến kiểm toán tài chính năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính về danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 09/TTr-CTĐT ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng quản trị về việc “Phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán tài chính”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện thực hiện kiểm toán tài chính năm 2026:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán AS.

Điều 2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn và hợp đồng 01 (một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán tài chính Công ty sau khi kết thúc năm tài chính 2026.

Ban kiểm soát, các cổ đông trong phạm vi quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Thái Bình Gia Lâm

Số: 07/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Xét Tờ trình số 02/TTr-CTĐT ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Ban kiểm soát về việc “Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029”; Báo cáo số 03/BC-BKS ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm soát về “Thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại Báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08 tháng 4 năm 2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026”;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất bầu cử bổ sung 01 (một) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029, bảo đảm Ban kiểm soát đủ số lượng 03 thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 2. Chủ tọa Đại hội điều hành bầu cử bổ sung 01 (một) thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 3;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Thái Bình Gia Lâm

ĐẠI HỘI
ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/NQ-ĐHCD

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
xác nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2024-2029

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-BKP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Ban kiểm phiếu về bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029;

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 họp ngày 27 tháng 6 năm 2026 thống nhất,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 đối với bà Nguyễn Thị Hương Giang đã trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

Điều 2. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, Ban kiểm soát, các cổ đông, bà Nguyễn Thị Hương Giang có trách nhiệm chấp hành, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công thường niên 2026 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Người ĐDVNN tại Công ty;
- Như Điều 2;
- Công bố thông tin trên Website Công ty;
- Lưu Phòng TCQT Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Thái Bình Gia Lâm

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BB-ĐHĐCĐ

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ GÒ CÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công ngày 27/4/2024;

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp

- Tên Công ty: Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công
- Địa chỉ: Số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 5, Phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp
- Mã số doanh nghiệp: 1200421913 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 20/4/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26/8/2025.
- Điện thoại: 02733 510070 Website: www.dothigocong.vn

2. Thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội

- Thời gian: 8 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2026 (thứ bảy)
- Địa điểm: tại Phòng họp số 2 Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công, địa chỉ số 18/2C đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 5, Phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp.

II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

Sau khi cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức và nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công. Đại hội tiến hành nghị thức và nội dung như sau:

1. Nghị thức:

Ông Nguyễn Hữu Khiết, thành viên Hội đồng quản trị:

- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội gồm: Cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công có tên trong danh sách chốt quyền dự Đại hội đồng cổ đông vào ngày 02/4/2026.
- Thẩm tra các điều kiện tiến hành Đại hội: Theo danh sách của Công ty chốt ngày 02/4/2026, tổng số cổ đông của Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công

là 49 cổ đông, tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu là 645.000 cổ phần, tương ứng với 6.450.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty. Tính đến 8 giờ 00 phút ngày 27 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty đã được đăng ký theo quy định là 6.450.000.000 đồng tương ứng 645.000 cổ phần, trong đó đại diện trên số vốn biểu quyết là 6.330.000.000 đồng tương ứng 633.000 cổ phần (do đã loại trừ 7.100 cổ phần hiện Công ty giữ làm cổ phiếu quỹ và 4.900 cổ phần của ông Võ Đức Độ do bệnh từ trần chưa làm thủ tục thừa kế). Do đó, Đại hội sẽ biểu quyết dựa trên số vốn 6.330.000.000 đồng tương ứng 633.000 cổ phần, mỗi cổ phần phổ thông tương ứng một phiếu biểu quyết.

- Tổng số cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền hợp lệ) Đại hội là 48 cổ đông, đại diện cho 633.000 cổ phần, chiếm 99.23% số phiếu biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Điều 145 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công, Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

(Đính kèm báo cáo thẩm tra kiểm tra các điều kiện tiến hành Đại hội)

- Giới thiệu Đoàn Chủ toạ Đại hội gồm:

+ Ông Thái Bình Gia Lâm – Người đại diện phần vốn nhà nước - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Ông Võ Thanh Liêm – Người đại diện phần vốn nhà nước - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

+ Ông Nguyễn Hữu Khiết – Thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nội dung:

2.1. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn thư ký, Ban kiểm phiếu, Thẻ lệ làm việc, khai mạc Đại hội:

a. Chủ toạ Đại hội cử Thư ký Đại hội, bao gồm:

- Bà Phan Thị Cẩm Tú - Trưởng Phòng Tài chính – Quản trị Công ty

- Bà Lê Nguyễn Như Ý – Kế toán viên Phòng Tài chính – Quản trị Công ty

b. Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT giới thiệu Ban kiểm phiếu, bao gồm:

- Ông Nguyễn Văn Quốc, Trưởng Ban kiểm soát, cổ đông: Trưởng ban;

- Bà Lê Thị Huỳnh Hoa, nhân viên Phòng KHKD, cổ đông: Thư ký;

- Ông Nguyễn Hồng Thái, nhân viên Phòng TCQT, cổ đông: Thành viên;
Đại hội thống nhất Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với tỷ lệ 100% tổng số thẻ biểu quyết của cổ đông tham dự.

c. Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ toạ Đại hội thông qua chương trình làm việc của Đại hội.

Đại hội thống nhất Thể lệ làm việc và Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với tỷ lệ 100% tổng số thẻ biểu quyết của cổ đông tham dự.

Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu khai mạc Đại hội.

2.2. Thông qua các báo cáo:

Ông Võ Thanh Liêm – Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty thông qua các báo cáo:

Căn cứ tài liệu ĐHĐCĐ 2026 đã gửi cho các cổ đông, Ông Võ Thanh Liêm – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty báo cáo tóm tắt các nội dung chính về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2025; Tờ trình số 13/TTr-CTĐT về việc phê duyệt Kế hoạch kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2026; Tờ trình số 12/TTr-CTĐT về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030. *(Nội dung báo cáo được công bố thông tin và gửi đến cổ đông trong tài liệu Đại hội)*

Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT thông qua các báo cáo:

Căn cứ tài liệu ĐHĐCĐ 2026 đã gửi cho các cổ đông, Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT, thông qua báo cáo số 13/BC-CTĐT về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026; Tờ trình 14/TTr-CTĐT về phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung; Tờ trình số 05/TTr-CTĐT về thông qua các quy chế về nội bộ quản trị, về hoạt động Hội đồng quản trị. *(Nội dung báo cáo được công bố thông tin và gửi đến cổ đông trong tài liệu Đại hội)*

Bà Phan Thị Cẩm Tú – Trưởng phòng TC_QT thông qua các báo cáo:

Căn cứ tài liệu ĐHĐCĐ 2026 đã gửi cho các cổ đông, Bà Phan Thị Cẩm Tú – Trưởng phòng Tài chính – Quản trị, thông qua Tờ trình 14/TTr-CTĐT về phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025, phân phối lợi nhuận sau thuế 2025; Tờ trình 09/TTr-CTĐT về phê duyệt Danh sách công ty đủ điều kiện thực hiện kiểm toán tài chính *(Nội dung báo cáo được công bố thông tin và gửi đến cổ đông trong tài liệu Đại hội)*

Ông Nguyễn Văn Quốc – Trưởng Ban kiểm soát thông qua các báo cáo:

Tờ trình 01/TTr-BKS về thông qua Quy chế hoạt động Ban kiểm soát; Tờ trình 02/TTr-BKS về bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029; Báo cáo số 03/BC-BKS về báo cáo thẩm định lại các văn bản đã được thẩm định tại báo cáo số 02/BC-BKS ngày 08/4/2026; thẩm định các văn bản bổ sung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026. *(Nội dung báo cáo được công bố thông tin và gửi đến cổ đông trong tài liệu Đại hội)*

3. Đại hội thảo luận và giải lao:

Cổ đông không có ý kiến thảo luận.

4. Biểu quyết:

4.1 Ông Thái Bình Gia Lâm, Chủ tịch HĐQT đề nghị cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự Đại hội có ý kiến vào phiếu biểu quyết các dự thảo nghị

quyết của Đại hội, nếu nhất trí thì đánh dấu X vào ô đồng ý, không nhất trí thì đánh dấu X vào ô không đồng ý hoặc ô không ý kiến.

4.2 Ông Nguyễn Văn Quốc Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông:

Tính đến thời điểm 9 giờ 20 phút ngày 27/6/2026, tổng số cổ đông tham dự (trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền hợp lệ) Đại hội là 48 cổ đông, đại diện cho 633.000 cổ phần, chiếm 99,23% số phiếu biểu quyết của Công ty.

Nội dung 1: Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung

Đại hội đã biểu quyết Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung. Chi tiết như sau:

a. Dự thảo Điều lệ gồm 14 chương, 83 điều. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

b. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 2: Thông qua các quy chế

a. Quy chế nội bộ quản trị sửa đổi, bổ sung gồm 11 chương, 77 điều. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

b. Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung gồm 7 chương, 28 điều. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

c. Quy chế hoạt động Ban kiểm soát sửa đổi, bổ sung gồm 7 chương, 23 điều.
Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 3: Chiến lược phát triển Công ty 2026-2030

a. Sản lượng chủ yếu: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tăng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 thực hiện 60.950 tấn.
Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

b. Tài chính:

- Tổng doanh thu tăng bình quân 10%/năm, đến năm 2030 thực hiện 56,43 tỷ đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 10%/năm, đến năm 2030 là 14,42 tỷ đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Tổng vốn đầu tư dự kiến từ Quỹ đầu tư phát triển 05 tỷ đồng để sử dụng vào mục đích đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Công ty. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 4: Kế hoạch kinh doanh năm 2026

a. Sản lượng chủ yếu: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt 41.630 tấn, tăng 10% so năm 2025. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

b. Tài chính:

- Doanh thu 38,54 tỷ đồng, tăng 10% so năm 2025. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Lợi nhuận trước thuế 9,85 tỷ đồng, tăng 10% so năm 2025. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Lợi nhuận sau thuế 8,176 tỷ đồng, tăng 10,4% so năm 2025. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Nộp ngân sách 4,234 tỷ đồng, tăng 11,13% so năm 2025. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Chia cổ tức 12%. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 77,64%. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

c. Đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư 1.800 triệu đồng, trong đó vốn vay ngân hàng thương mại 900 triệu đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 5: Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 6: Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025, số tiền 7.404.872.033 đồng

a. Quỹ đầu tư phát triển 2.775.172.515 đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi 3.736.639.518 đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

*Quỹ khen thưởng: Quỹ khen thưởng 70% là 2.615.647.663 đồng, trong đó: Quỹ khen thưởng người lao động là 2.387.773.452 đồng, Quỹ thưởng ban điều hành là 227.914.211 đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

*Quỹ phúc lợi: Quỹ phúc lợi 30% là 1.120.991.855 đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

c. Chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông 14% là 893.060.000 đồng. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 7: Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán, uỷ quyền Hội đồng quản trị chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

Nội dung 8: Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029. Đại hội đã biểu quyết như sau:

Đồng ý:	633.000 phiếu	Chiếm tỷ lệ 99,23% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không đồng ý:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết
Không có ý kiến:	00 phiếu	Chiếm tỷ lệ% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết

5. Thông qua các dự thảo Nghị quyết:

Ông Võ Thanh Liêm, thành viên HĐQT-Giám đốc Công ty thông qua 07 dự thảo Nghị quyết.

- Nghị quyết về phê duyệt Điều lệ Công ty sửa đổi, bổ sung;
- Nghị quyết về thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Nghị quyết về phê duyệt Chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2026-2030;
- Nghị quyết phê duyệt Kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Nghị quyết về phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2025; phân phối lợi nhuận sau thuế 2025.
- Nghị quyết về phê duyệt Danh sách công ty kiểm toán độc lập;
- Nghị quyết về bầu cử bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

Kết quả Đại hội biểu quyết thống nhất 100% các dự thảo Nghị quyết đã thông qua.

6. Ông Thái Bình Gia Lâm, Chủ tịch HĐQT:

- Phát biểu yêu cầu cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn thành phần Ban kiểm soát; đề cử, ứng cử, biểu quyết số lượng, danh sách người ứng cử bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.
- Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

7. Tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029: Ông Nguyễn Văn Quốc Trưởng ban Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029. Kết quả như sau:

- Số phiếu bầu hợp lệ: 49 phiếu
- Số phiếu bầu không hợp lệ: 00 phiếu

Kết quả bà Nguyễn Thị Hương Giang được 632.450/633.000 phiếu bầu, đạt tỷ lệ 99,9%.

8. Ông Thái Bình Gia Lâm, Chủ tịch HĐQT: thông qua Nghị quyết công nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029.

9. Bà Phan Thị Cẩm Tú – Thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Qua ý kiến biểu quyết bằng thẻ biểu quyết của cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đối với Nghị quyết và Biên bản của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, kết quả Đại hội đã thống nhất 100% tổng số thẻ biểu quyết.

Các Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 27/6/2026 khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

10. Bế mạc Đại hội đồng cổ đông năm 2026

Ông Thái Bình Gia Lâm – Chủ tịch HĐQT tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần công trình đô thị Gò Công kết thúc vào lúc 11 giờ 15 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Phan Thị Cẩm Tú

**TM.ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Thái Bình Gia Lâm

ÁP * d *



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ
GÒ CÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long Thuận, ngày 27 tháng 6 năm 2026

**BIÊN BẢN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Hôm nay, ngày 27 tháng 6 năm 2026 tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Gò Công, Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:

- | | |
|------------------------------|--------------|
| 1- Ông Nguyễn Hữu Khiết | - Trưởng ban |
| 2- Bà Nguyễn Thị Hương Giang | - Thành viên |
| 3- Bà Nguyễn Thị Tú Anh | - Thành viên |

Đã tiến hành thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

100% đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông thường niên đều là cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông của Công ty theo danh sách chốt cổ đông ngày 02 tháng 4 năm 2026

Tổng số cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự là 48 người (vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 27 tháng 6 năm 2026) đại diện cho 633.000 cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỉ lệ 99.23% trên tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ của công ty: “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết”.

Kết luận: Đại hội đủ điều kiện tiến hành. Có đủ thẩm quyền để quyết định các vấn đề của Đại hội

Biên bản này được lập hồi 08h00. ngày 27 tháng 6 năm 2026.

**TM.Ban Thẩm tra
Trưởng Ban**

Nguyễn Hữu Khiết

